

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục
tỉnh Thanh Hóa năm học 2024 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa quản lý;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1509/TTr-SGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục tỉnh Thanh Hóa năm học 2024 - 2025, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục mầm non

- Số cơ sở giáo dục: 677 trường, trong đó: 632 trường công lập, 45 trường tư thục; 345 điểm trường và 346 cơ sở mầm non độc lập tư thục.

- Quy mô số nhóm/lớp, số trẻ: 8.850 nhóm/lớp, với 223.321 trẻ, trong đó: Công lập 7.312 nhóm/lớp, với 192.855 trẻ; tư thục 1.538 nhóm/lớp, với 30.466 trẻ, chi tiết:

+ Đối với nhà trẻ: 2.055 nhóm, với 39.871 trẻ, trong đó: Công lập 1.511 nhóm, với 30.556 trẻ; tư thực 544 nhóm, với 9.315 trẻ; huy động trẻ nhà trẻ ra lớp đạt tỷ lệ 28%.

+ Đối với mẫu giáo: 6.795 lớp, với 183.450 trẻ, trong đó: Công lập 5.801 lớp, với 162.299 trẻ; tư thực 994 lớp, với 21.151 trẻ; huy động trẻ mẫu giáo ra lớp đạt tỷ lệ 98%.

2. Kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục phổ thông

a) Tiểu học

- Số trường: 588 trường, trong đó: 582 trường công lập, 06 trường tư thực; 300 điểm trường.

- Quy mô số lớp, số học sinh (cả tuyển sinh vào lớp 1): 11.314 lớp, với 349.981 học sinh, trong đó: Công lập 11.087 lớp, với 344.566 học sinh; tư thực 227 lớp, với 5.415 học sinh.

Tuyển sinh vào lớp 1: 2.209 lớp, với 65.920 học sinh, trong đó: Công lập 2.157 lớp, với 64.662 học sinh; tư thực 52 lớp, với 1.258 học sinh.

b) Trung học cơ sở

- Số trường: 610 trường, trong đó: 608 trường công lập, 02 trường tư thực; 32 điểm trường, chi tiết:

+ Trường trung học cơ sở: 535 trường công lập, trong đó: 11 trường phổ thông dân tộc nội trú, 14 trường phổ thông dân tộc bán trú.

+ Trường tiểu học và trung học cơ sở: 75 trường, trong đó: 72 trường công lập, 03 trường tư thực.

- Quy mô số lớp, số học sinh (cả tuyển sinh vào lớp 6): 6.802 lớp, với 260.225 học sinh, trong đó: Công lập 6.717 lớp, với 257.532 học sinh, bao gồm: Trường phổ thông dân tộc nội trú 87 lớp, với 2.615 học sinh; trường phổ thông dân tộc bán trú 129 lớp, với 4.628 học sinh; tư thực 85 lớp, với 2.693 học sinh;

Tuyển sinh vào lớp 6: 1.818 lớp, với 71.464 học sinh, trong đó: Công lập 1.787 lớp, với 70.324 học sinh, bao gồm: Trường phổ thông dân tộc nội trú 22 lớp, với 770 học sinh; trường phổ thông dân tộc bán trú 34 lớp, với 1.231 học sinh; tư thực 31 lớp, với 1.140 học sinh.

c) Trung học phổ thông

- Số trường: 104 trường, trong đó: 89 trường công lập, 15 trường tư thực, chi tiết:

+ Trường trung học phổ thông: 86 trường, trong đó: 80 trường công lập, bao gồm: 01 trường trung học phổ thông chuyên, 02 trường phổ thông dân tộc nội trú và 06 trường tư thực;

+ Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông: 08 trường công lập;

+ Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông: 10 trường, trong đó: 01 trường công lập (tự chủ) và 09 trường tư thục.

- Quy mô số lớp, số học sinh (cả tuyển sinh vào lớp 10): 2.635 lớp, với 110.464 học sinh, trong đó: Công lập 2.461 lớp, với 103.727 học sinh, bao gồm: Trường trung học phổ thông chuyên 34 lớp, với 1.190 học sinh; 02 trường phổ thông dân tộc nội trú 36 lớp, với 1.140 học sinh; tư thục 174 lớp, với 6.737 học sinh.

Tuyển sinh vào lớp 10: 917 lớp, với 39.924 học sinh, trong đó: Công lập 850 lớp, với 37.184 học sinh, bao gồm: Trường trung học phổ thông chuyên 12 lớp, với 420 học sinh; 02 trường phổ thông dân tộc nội trú 12 lớp, với 420 học sinh; tư thục 67 lớp, với 2.740 học sinh.

3. Kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục thường xuyên

- Số trung tâm: 25 trung tâm, trong đó: 24 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, 01 trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp.

- Quy mô số lớp, số học viên: 303 lớp, 12.821 học viên, trong đó: Tuyển sinh vào lớp 10 Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông 109 lớp, với 4.796 học viên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Căn cứ chỉ tiêu được giao tại Kế hoạch này, phân bổ, thông báo chỉ tiêu cụ thể đến các huyện, thị xã, thành phố; các cơ sở giáo dục trên địa tỉnh để triển khai, thực hiện;

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị, trường học thực hiện chỉ tiêu được giao; điều chỉnh chỉ tiêu về số lớp, số học sinh cho các cơ sở giáo dục mới thành lập hoặc chia tách, sáp nhập thành cơ sở mới, đảm bảo phù hợp tình hình thực tế của mỗi địa phương;

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố kiểm tra, giám sát và hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh tổ chức tuyển sinh đầu cấp học đảm bảo đúng quy chế, đúng đối tượng và chỉ tiêu được giao; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh, tổng hợp tình hình báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thực hiện theo quy định.

2. Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra việc thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2024 - 2025, việc sử dụng ngân sách sự nghiệp giáo dục được phân bổ và việc sử dụng cán bộ, công chức, viên chức ngành giáo dục và đào tạo năm học 2024 - 2025; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ chỉ tiêu về số lớp, số học sinh được giao, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo phân bổ chỉ tiêu cụ thể cho các cơ sở giáo dục đảm bảo đúng quy định hiện hành của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế của mỗi địa phương thuộc phạm vi quản lý.

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, đảm bảo quy định và phù hợp tình hình thực tế của địa phương theo Quyết định số 2820/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án sắp xếp các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng